



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: **4880/QĐ - VPCNCLQG**
ngày **09** tháng 07 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Phòng xét nghiệm LabHouse**

Medical Laboratory: **LabHouse Laboratory Department**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH LabHouse Việt Nam**

Organization: **LabHouse Viet Nam Company Limited**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh, Huyết học**

Field of medical testing: **Biochemistry, Hematology**

Người phụ trách/ **Hồ Văn Cư**

Representative:

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 169**

Hiệu lực/ Validation: từ ngày **09/7/2025** đến ngày **10/03/2026**

Địa chỉ/ Address: **Tầng 2, tòa nhà D1-CT2, Khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ, phường Định Công, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ 2th floor, Building D1, plot CT2, Kim Van Kim Lu Urban Area, Dinh Cong Ward, Hanoi, Viet Nam.**

Địa điểm/Location: **Tầng 2, tòa nhà D1-CT2, Khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ, phường Định Công, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ 2th floor, Building D1, plot CT2, Kim Van Kim Lu Urban Area, Dinh Cong Ward, Hanoi, Viet Nam.**

Điện thoại/ Tel: **0982032317**

Email: **huyenlp@labhouse.vn**

Website: **www.labhouse.vn**



Handwritten signature and initials

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 169

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**
 Discipline of medical testing: **Biochemistry**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) Type of sample (anticoagulant-if any)	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm (Principle/ Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Huyết tương Plasma (Lithium- Heparin) Huyết thanh Serum	Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Động học enzym – Hexokinase <i>Enzyme kinetic with Hexokinase</i>	KT.HS.XN.002 (2025) (Atellica Solution)
2.		Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglyceride</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic colour</i>	KT.HS.XN.003 (2025) (Atellica Solution)
3.		Định lượng Free Thyroxine (FT4) <i>Determination of Free Thyroxine (FT4)</i>	Miễn dịch hóa phát quang trực tiếp <i>Direct chemiluminescent immunoassay</i>	KT.HS.XN.001 (2025) (Atellica Solution)
4.		Đo hoạt độ Alanin Aminotransferase (ALT) <i>Determination of Alanin Aminotransferase (ALT)</i>	Động học Enzym <i>Enzyme kinetic</i>	KT.HS.XN.004 (2025) (Atellica Solution)

VÀ CÔNG
PHÒNG
NHẬN
LƯỢNG
C GIA
TÍNH CHẤT




DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 169

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**

Discipline of medical testing: *Hematology*

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm (Principle/ Technical test)	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Máu toàn phần <i>Whole Blood (EDTA-K2)</i>	Đếm số lượng Bạch cầu <i>White Blood cell count (WBC)</i>	Điện trở kháng <i>Electrical resistance</i>	KT.HH.XN.003 (2025) (Celltac G)
2.		Đếm số lượng Tiểu cầu <i>Platelet count (PLT)</i>	Điện trở kháng <i>Electrical resistance</i>	KT.HH.XN.004 (2025) (Celltac G)
3.		Đếm số lượng Hồng cầu <i>Red Blood Cell count (RBC)</i>	Điện trở kháng <i>Electrical resistance</i>	KT.HH.XN.002 (2025) (Celltac G)
4.		Xác định lượng Huyết sắc tố <i>Determination of Hemoglobin (HGB)</i>	Điện trở kháng <i>Electrical resistance</i>	KT.HH.XN.008 (2025) (Celltac G)

Ghi chú/ Note:

- KT.HS/HH.XN... Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Phòng xét nghiệm Labhouse cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Labhouse Laboratory Department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*